

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh kế hoạch vốn và bổ sung danh mục dự án đầu tư công
trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương
trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu: Số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; số 14/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; số

29/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Xét Tờ trình số 1478/TTr-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn và bổ sung danh mục dự án đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 154/BC-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn và bổ sung danh mục dự án đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Điều chỉnh giảm 8.171 triệu đồng từ 166 dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán để điều chỉnh tăng 453 triệu đồng cho 05 dự án đang triển khai thực hiện và 7.718 triệu đồng cho 07 dự án khởi công mới với tổng mức đầu tư 8.075 triệu đồng.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Điều chỉnh giảm 19.142 triệu đồng từ 77 dự án hoàn thành và phê duyệt quyết toán để điều chỉnh tăng 2.192 triệu đồng cho 01 dự án đang triển khai thực hiện và 16.950 triệu đồng cho 04 dự án khởi công mới thuộc Tiểu dự án 1 - Dự án 1 với tổng mức đầu tư 16.950 triệu đồng.

(Chi tiết theo các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo)

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ hai mươi bảy thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giảng Páo Mỹ



Phụ lục 1

TỔNG HỢP CÁC ĐƠN VỊ ĐIỀU CHỈNH NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **22** /NQ-HĐND ngày **22** tháng **4** năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị đã được giao kế hoạch vốn	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh ngân sách trung ương		Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	
1	2	3	4	5	6
	Tổng cộng 2 chương trình	1.152.393	27.313	27.313	1.152.393
A	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	344.020	8.171	8.171	344.020
1	Thành phố Lai Châu	12.356	418	418	12.356
2	Huyện Than Uyên	86.640	408	408	86.640
3	Huyện Tân Uyên	29.448	453	453	29.448
4	Huyện Tam Đường	89.912	572	572	89.912
5	Huyện Phong Thổ	33.920	1.779	1.779	33.920
6	Huyện Sìn Hồ	42.600	1.500	1.500	42.600
7	Huyện Nậm Nhùn	21.968	1.386	1.386	21.968
8	Huyện Mường Tè	27.176	1.655	1.655	27.176
B	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	808.373	19.142	19.142	808.373
I	Dự án 1	808.373	19.142	19.142	808.373
I.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo	808.373	19.142	19.142	808.373
1	Huyện Phong Thổ	208.072	4.223	4.223	208.072
2	Huyện Sìn Hồ	212.856	5.298	5.298	212.856
3	Huyện Nậm Nhùn	186.548	7.429	7.429	186.548
4	Huyện Mường Tè	200.897	2.192	2.192	200.897



Phụ lục 2

CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **22** /NQ-HĐND ngày **22** tháng **4** năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
	TỔNG SỐ					567.587	560.708	556.541	27.313	529.228	
A	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI					133.800	128.222	127.083	8.171	118.912	
I	Thành phố Lai Châu					10.223	9.928	9.928	418	9.510	
*	Các dự án khởi công năm 2022					4.200	4.000	4.000	322	3.678	
1	Đường giao thông nội đồng bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng	Xã San Thàng	1,6 km	2022-2024	685/22/7/2022	2.310	2.200	2.200	270	1.930	UBND xã San Thàng
2	Đường giao thông nội đồng bản Cư Nhà La, xã Sùng Phài	Xã Sùng Phài	1,2 km	2022-2024	397/22/7/2022	1.890	1.800	1.800	52	1.748	UBND xã Sùng Phài
*	Các dự án khởi công năm 2023					2.748	2.748	2.748	12	2.736	
3	Đường giao thông nội đồng bản Sin Chải, xã Sùng Phài	Xã Sùng Phài	1,2 km	2023-2024	692/05/12/2022	2.748	2.748	2.748	12	2.736	UBND xã Sùng Phài
*	Các dự án khởi công năm 2024					3.275	3.180	3.180	84	3.096	
4	Đường giao thông nội đồng bản Căn Cầu, xã Sùng Phài	Xã Sùng Phài	1,6 km	2024-2025	547/17/11/2023	1.280	1.280	1.280	40	1.240	UBND xã Sùng Phài
5	Đường giao thông nội đồng bản Sùng Phài, xã Sùng Phài	Xã Sùng Phài	1,95 km	2024-2025	548/17/11/2023	1.995	1.900	1.900	44	1.856	UBND xã Sùng Phài
II	Huyện Than Uyên					12.711	12.591	12.591	408	12.183	
*	Các dự án khởi công năm 2022					4.134	4.134	4.134	61	4.073	

Chức



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
1	Đường nghĩa địa bản Cẩm Trung 1	Xã Mường Than	0,146km	2022	1616/20/7/2022	190	190	190	12	178	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên
2	Đường nội bản Nà Ban, Nội bản Phường xã Hua Nà	Xã Mường Cang	0,448km	2022	1617/20/7/2022	804	804	804	2	802	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên
3	Đường nội đồng bản Chiềng Ban 1, Chiềng Ban 2, Nà Đình	Xã Mường Kim	0,684km	2022	1620/20/7/2022	804	804	804	17	787	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên
4	Đường giao thông nông thôn nội bản Tu San xã Tà Mung (giai đoạn 2)	Xã Tà Mung	0,525km	2022	1623/20/7/2022	600	600	600	12	588	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên
5	Đường nội bản, nội đồng bản Cáp Na 1 (Khu Nà Cỏ)	Xã Tà Hừa	0,485km	2022	1626/20/7/2022	536	536	536	6	530	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên
6	Nâng cấp, sửa chữa đường nội bản Cáp Na 2 (Khu Phiêng Hay)	Xã Tà Hừa	0,702km	2022	1627.20.7.2022	1.200	1.200	1.200	12	1.188	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên
*	Các dự án khởi công năm 2023					8.057	7.953	7.953	336	7.617	
7	Đường nội đồng Bản Mường	Xã Mường Than	0,5km	2023	85/14/4/2023	430	415	415	3	412	UBND xã Mường Than
8	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa bản Mường	Xã Mường Than	01 NVH	2023	87/14/4/2023	450	436	436	16	420	UBND xã Mường Than
9	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa bản Lăn	Xã Mường Than	01 NVH	2023	86/14/4/2023	250	240	240	8	232	UBND xã Mường Than
10	Đường sản xuất Chằm Cáy, bản Đắc	Xã Hua Nà	0,492km	2023	678/07/03/2023	1.116	1.116	1.116	73	1.043	Ban QLDA đầu tư xây dựng
11	Mở mới đường sản xuất bản Đắc	Xã Hua Nà	0,5km	2023	33/23/3/2023	620	600	600	28	572	UBND xã Hua Nà
12	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Mường, Ít, Lào	Xã Mường Mít	161 hộ	2023	900/30/03/2023	1.520	1.520	1.520	33	1.487	Ban QLDA đầu tư xây dựng



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
13	Đường giao thông nội đồng bản Sang Ngà	Phúc Than	1,325km	2023	868/24/03/2023	1.560	1.560	1.560	67	1.493	Ban QLDA đầu tư xây dựng
14	Đường nội bản Nà Dân xã Mường Kim	Xã Mường Kim	1,5km	2023	37/17/4/2023	670	650	650	16	634	UBND xã Mường Kim
15	Đường nội bản Chiềng Ban 1, Chiềng Ban 2	Xã Mường Kim	0,936km	2023	870/24/03/2023	866	866	866	55	811	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Than Uyên
16	Kênh mương thủy lợi bản Mỹ (từ Pom Mua về Na Tý)	Xã Ta Gia	20 ha	2023	117/17/4/2023	315	300	300	24	276	UBND xã Ta Gia
17	Nâng cấp, sửa chữa đường nội bản Hỷ	Xã Ta Gia	0,6km	2023	118/17/4/2023	260	250	250	13	237	UBND xã Ta Gia
*	Các dự án khởi công năm 2024					520	504	504	11	493	
18	Đường liên bản Mường 1, Mường 2, Nà É xã Mường Kim (đi khu nghĩa địa), xã Mường Kim	Xã Mường Kim	0,33 km	2024	146/20/11/2023	260	252	252	5	247	UBND xã Mường Kim
19	Đường nội bản Phường, xã Hua Nà	Xã Hua Nà	0,17 km	2024	113/20/11/2023	260	252	252	6	246	UBND xã Hua Nà
III	Huyện Tân Uyên					9.268	9.180	9.180	453	8.727	
*	Các dự án khởi công năm 2022					5.028	4.940	4.940	207	4.733	
1	Nâng cấp đường giao thông vùng chè bản Hồ Bon	Xã Phúc Khoa	2,5 km	2022-2023	429/07/9/2022	2.608	2.520	2.520	150	2.370	UBND xã Phúc Khoa
2	Nâng cấp, sửa chữa thủy Lợi bản Nậm Xôm	Xã Trung Đồng	15 ha	2022-2023	347/06/9/2022	600	600	600	2	598	UBND xã Trung Đồng
3	Nâng cấp đường liên bản Nà Ún - Nà Săng	Xã Pắc Ta	1,2 km	2022-2023	87/07/9/2022	1.500	1.500	1.500	43	1.457	UBND xã Pắc Ta
4	Sửa chữa thủy lợi bản Phiêng Bay	Xã Nậm Cắn	15 ha	2022-2023	309/06/9/2022	320	320	320	12	308	UBND xã Nậm Cắn
*	Các dự án khởi công năm 2023					2.940	2.940	2.940	131	2.809	
5	Sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa bản Mít Nọi	Xã Hố Mít	120 m2	2022-2023	33/27/02/2023	500	500	500	6	494	UBND xã Hố Mít



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
6	Nâng cấp nhà văn hóa bản Phiêng Áng gắn với trưng bày sản phẩm nông sản	Xã Nậm Cắn	120 m2	2022-2023	27/28/02/2023	500	500	500	29	471	UBND xã Nậm Cắn
7	Nâng cấp đường nội bản Nậm Khăn	Xã Tà Mít	0,562 km	2022-2023	05/27/02/2023	420	420	420	6	414	UBND xã Tà Mít
8	Nâng cấp đường nội bản Nà Ún	Xã Pắc Ta	1,075 km	2023-2024	40/27/02/2023	1.520	1.520	1.520	90	1.430	UBND xã Pắc Ta
*	Các dự án khởi công năm 2024					1.300	1.300	1.300	115	1.185	
9	Nâng cấp đường nội bản Hua Puông	Xã Nậm Cắn	1,3 km	2024-2025	205/16/11/2023	700	700	700	80	620	UBND xã Nậm Cắn
10	Nâng cấp tuyến đường bản Tà Mít xuống bến Lồng Thàng	Xã Tà Mít	1 km	2024-2025	59a/22/11/2023	600	600	600	35	565	UBND xã Tà Mít
IV	Huyện Tam Đường					21.085	21.085	21.085	572	20.513	
	Các dự án khởi công năm 2022					9.775	9.775	9.775	330	9.445	
1	Nâng cấp đường trục bản Cốc Phung xã Bản Bo	Bản Cốc Phung, xã Bản Bo	0,8 km	2022-2023	2681/12/8/2022	804	804	804	29	775	Ban QLDA huyện Tam Đường
2	Đường giao thông nội đồng Bãi trâu bản Bản Giang	Xã Bản Giang	0,9 km	2022-2023	2682/05/8/2022	804	804	804	7	797	Ban QLDA huyện Tam Đường
3	Cứng hóa đường ra khu sản xuất Chè bản Lở Thàng 1 + Bản Lở Thàng 2 + Bản Đông Phong	Xã Thèn Sin	0,8 km	2022-2023	2683/12/8/2022	804	804	804	12	792	Ban QLDA huyện Tam Đường
4	Làm đường nội đồng bản Thèn Pá (điểm đầu ruộng Giàng A Sinh - điểm cuối ruộng Giàng A Hờ)	Xã Tả Lèng	0,5 km	2022-2023	2684/12/8/2022	550	550	550	8	542	Ban QLDA huyện Tam Đường
5	Làm đường nội đồng bản Thèn Pá (khu Háng A Mải)	Xã Tả Lèng	0,9 km	2022-2023	2685/12/8/2022	1.186	1.186	1.186	48	1.138	Ban QLDA huyện Tam Đường
6	Đường nội đồng bản Sin Câu, xã Giang Ma	Xã Giang Ma	0,8 km	2022-2023	2686/12/8/2022	836	836	836	38	798	Ban QLDA huyện Tam Đường
7	Đường trục bản Ngải Chù	Xã Giang Ma	0,43 km	2022-2023	2687/12/8/2022	900	900	900	21	879	Ban QLDA huyện Tam Đường

Handwritten signature in blue ink.



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương					
8	Đường trục bản Chu Va 6 xã Sơn Bình, huyện Tam Đường	Xã Sơn Bình	1,1 km	2022-2023	2688/12/8/2022	1.306	1.306	1.306	58	1.248	Ban QLDA huyện Tam Đường	
9	Đường nội bản Chu Va 6	Xã Sơn Bình	0,25 km	2022-2023	2689/12/8/2022	430	430	430	2	428	Ban QLDA huyện Tam Đường	
10	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường trục bản Coóc Nọc	Xã Nà Tăm	0,36 km	2022-2023	2690/12/8/2022	821	821	821	47	774	Ban QLDA huyện Tam Đường	
11	Đầu tư, sửa chữa nâng cấp tuyến đường trục bản Nà Ít	Xã Nà Tăm	0,25 km	2022-2023	2691/12/8/2022	530	530	530	13	517	Ban QLDA huyện Tam Đường	
12	Sửa chữa mương thủy lợi Nà Lóc bản Nà Khum	Xã Bản Hòn	1,2 km	2022-2023	32/12/8/2022	400	400	400	45	355	UBND xã Bản Hòn	
13	Bê tông nền sân và xây dựng các công trình phụ trợ nhà Văn Hóa bản Đông Pao 1	Xã Bản Hòn	610 m2	2022-2023	31/12/8/2022	404	404	404	2	402	UBND xã Bản Hòn	
	Các dự án khởi công năm 2023						11.310	11.310	11.310	242	11.068	
14	Làm đường lên bản cũ Hoa Di Hồ	Xã Bản Hòn	3 km	2023-2025	4067/13/12/2022	2.216	2.216	2.216	65	2.151	Ban QLDA huyện Tam Đường	
15	Xây dựng nhà thi đấu đa năng xã Nùng Nàng	Xã Nùng Nàng	Nhà cấp IV diện tích 200 m2	2023-2024	4084/13/12/2022	1.000	1.000	1.000	17	983	Ban QLDA huyện Tam Đường	
16	Cứng hóa đường ra khu sản xuất bản Na Đông	Xã Thèn Sin	5 km	2023-2024	4068/13/12/2022	2.216	2.216	2.216	100	2.116	Ban QLDA huyện Tam Đường	
17	Đường nội đồng nối lên bản Ma Sao Phìn	Xã Khun Há	1,1 km	2023-2024	791/12.12.2022	1.216	1.216	1.216	11	1.205	UBND xã Khun Há	
18	Đường giao thông nội đồng bản Nà Bò đi bãi cam	Xã Bản Giang	0,6 km	2023-2024	97/12/12/2022	600	600	600	2	598	UBND xã Bản Giang	
19	Đường giao thông nội đồng bản Suối Thầu	Xã Bản Giang	0,4 km	2023-2024	98/12/12/2022	500	500	500	9	491	UBND xã Bản Giang	
20	Đường nội đồng bản Sĩ Thầu Chải	Xã Hồ Thầu	0,7 km	2023-2024	271/12/12/2022	1.246	1.246	1.246	7	1.239	UBND xã Hồ Thầu	
21	Đường nội đồng vùng chè bản Hua Sắng	Xã Bản Bo	1,0 km	2023-2024	125/12/12/2022	816	816	816	15	801	UBND xã Bản Bo	

Handwritten signature in blue ink.



TT	 Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
22	Nhà văn hóa cụm khu dân cư bản Nà Khan, Nà Phát	Xã Bình Lư	DD cấp IV	2023-2024	1076/12/12/2022	1.500	1.500	1.500	16	1.484	UBND xã Bình Lư
V	Huyện Phong Thổ					25.039	23.111	23.111	1.779	21.332	
*	Các dự án khởi công năm 2022					24.739	22.961	22.961	1.771	21.190	
1	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nông thôn Lèng Chư - Xì Phài - Dền Sang	Xã Đào San	1,8 km mặt đường; cống rãnh thoát nước	2022-2023	146/30/9/2022	1.736	1.736	1.736	66	1.670	UBND xã Đào San
2	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNB liên bản Trung Hồ GD 2	Xã Sin Suối Hồ	1 km	2022-2023	36/15/8/2022	1.736	1.736	1.736	303	1.433	UBND xã Sin Suối Hồ
3	Xây dựng Nhà văn hóa bản Mới	Xã Sỉ Lở Lầu	01 NVH	2022-2023	38/24/8/2022	361	349	349	5	344	UBND xã Sỉ Lở Lầu
4	Xây dựng Nhà văn hóa bản Cò Ký	Xã Tung Qua Lìn	01 NVH	2022-2023	247/24/8/2022	300	300	300	12	288	UBND xã Tung Qua Lìn
5	Xây dựng nhà văn hóa bản Tung Qua Lìn	Xã Tung Qua Lìn	01 NVH	2022-2023	246/24/8/2022	300	300	300	12	288	UBND xã Tung Qua Lìn
6	Nâng cấp, sửa chữa đường ra khu sản xuất Sỉ Cù Thỉ	Xã Tung Qua Lìn	0,5 km	2022-2023	248/24/8/2022	400	350	350	15	335	UBND xã Tung Qua Lìn
7	Nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi Sừ Cồ Thỉn (Vàng A Thông)	Xã Tung Qua Lìn	Chiều dài kênh BT 1,5m, kè chống sạt	2022-2023	305/10/10/2022	786	786	786	31	755	UBND xã Tung Qua Lìn
8	Nâng cấp đường ngõ, xóm (nội thôn) bản Tung Chung Vang	Xã Mù Sang	0,5 km	2022-2023	289/18/8/2022	520	470	470	43	427	UBND xã Mù Sang
9	Nâng cấp đường GTNT ngõ, xóm (nội thôn) bản Lán Than	Xã Mù Sang	0,7 km	2022-2023	277/18/8/2022	580	530	530	37	493	UBND xã Mù Sang
10	Nâng cấp đường ngõ, xóm (Nội thôn) bản Tả Tề	Xã Mù Sang	0,8 km	2022-2023	278/18/8/2022	786	736	736	51	685	UBND xã Mù Sang
11	Xây mới nhà văn hóa bản Nậm Lùng	Xã Bản Lang	01 NVH	2022-2023	111/18/8/2022	300	250	250	15	235	UBND xã Bản Lang



<

Chức



TT	 Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
27	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT đi khu sản xuất bản Huổi Sen	Xã Mường So	0,4 km	2022-2023	61/18/8/2022	274	254	254	6	248	UBND xã Mường So
28	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất bản Mồ Sỉ Cầu	Xã Hoang Thèn	1,5 km	2022-2023	87/14/8/2022	1.336	1.336	1.336	80	1.256	UBND xã Hoang Thèn
29	Xây dựng nhà văn hóa bản Tả Lèng	Xã Hoang Thèn	01 NVH	2022-2023	86/14/8/2022	500	400	400	28	372	UBND xã Hoang Thèn
30	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông bản Tả phìn	Xã Ma Li Pho	410 m mặt đường; cống, rãnh thoát nước	2022-2023	206/18/8/2022	1.504	1.504	1.504	88	1.416	UBND xã Ma Li Pho
31	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông Nậm Le đi Nhóm 2	Xã Huổi Luông	1 km	2022-2023	104/19/8/2022	804	804	804	48	756	UBND xã Huổi Luông
32	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNB liên bản bản Tân Sáo Phìn và Tô Y Phìn	Xã Mồ Sỉ San	1,2 km	2022-2023	110a/05/10/2022	1.000	1.000	1.000	13	987	UBND xã Mồ Sỉ San
33	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa bản Mồ Sỉ San	Xã Mồ Sỉ San	01 NVH	2022-2023	96/16/8/2022	130	100	100	13	87	UBND xã Mồ Sỉ San
34	Nâng cấp, sửa chữa đường ra khu sản xuất Tả Hồ Thầu	Xã Mồ Sỉ San	0,6 km	2022-2023	98/19/8/2022	686	636	636	44	592	UBND xã Mồ Sỉ San
35	Xây dựng Nhà văn hóa bản Nhóm 1	Xã Vàng Ma Chải	01 NVH	2022-2023	73/18/8/2022	300	250	250	15	235	UBND xã Vàng Ma Chải
36	Nâng cấp, cứng hóa đường nội bản bản Nhóm 2	Xã Vàng Ma Chải	0,45 km	2022-2023	72/18/8/2022	486	436	436	24	412	UBND xã Vàng Ma Chải
37	Nâng cấp sửa chữa đường nội đồng bản Si Choang	Xã Vàng Ma Chải	0,59 km	2022-2023	71/18/8/2022	350	300	300	16	284	UBND xã Vàng Ma Chải
38	Xây dựng Nhà văn hóa bản Nhóm 2	Xã Vàng Ma Chải	01 NVH	2022-2023	74/18/8/2022	300	250	250	15	235	UBND xã Vàng Ma Chải
39	Xây dựng Nhà văn hóa bản Nhóm 3	Xã Vàng Ma Chải	01 NVH	2022-2023	75/18/8/2022	300	250	250	15	235	UBND xã Vàng Ma Chải
40	Xây dựng Nhà văn hóa bản Tả Phùng	Xã Vàng Ma Chải	01 NVH	2022-2023	76/18/8/2022	300	250	250	15	235	UBND xã Vàng Ma Chải

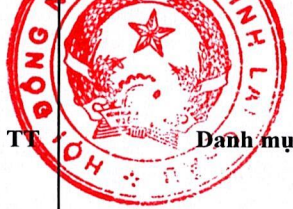


TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
41	Nâng cấp, sửa chữa đường nội đồng bản Huổi Hán	Xã Nậm Xe	1,34 km	2022-2023	182/18/8/2022	1.386	1.336	1.336	82	1.254	UBND xã Nậm Xe
42	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nội bản Xín Chải	Xã Pa Vây Sừ	0,6 km	2022-2023	69/18/8/2022	536	536	536	31	505	UBND xã Pa Vây Sừ
43	Xây dựng Nhà văn hóa bản Pờ Xa	Xã Pa Vây Sừ	01 NVH	2022-2023	65/18/8/2022	250	200	200	12	188	UBND xã Pa Vây Sừ
44	Xây dựng Nhà văn hóa bản Ngải Thầu	Xã Pa Vây Sừ	01 NVH	2022-2023	64/18/8/2022	250	200	200	12	188	UBND xã Pa Vây Sừ
45	Xây dựng Nhà văn hóa bản Trung Chải	Xã Pa Vây Sừ	01 NVH	2022-2023	68/18/8/2022	250	200	200	12	188	UBND xã Pa Vây Sừ
46	Xây dựng Nhà văn hóa bản Hang É	Xã Pa Vây Sừ	01 NVH	2022-2023	67/18/8/2022	250	200	200	12	188	UBND xã Pa Vây Sừ
47	Xây dựng Nhà văn hóa bản Xín Chải	Xã Pa Vây Sừ	01 NVH	2022-2023	63/18/8/2022	250	200	200	13	187	UBND xã Pa Vây Sừ
48	Xây dựng Nhà văn hóa bản Pa Vây Sừ	Xã Pa Vây Sừ	01 NVH	2022-2023	66/18/8/2022	250	200	200	12	188	UBND xã Pa Vây Sừ
*	Các dự án khởi công năm 2023					300	150	150	8	142	
49	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa bản Huổi Luông 1	Xã Huổi Luông	01 NVH	2023	20/19/5/2023	300	150	150	8	142	UBND xã Huổi Luông
VI	Huyện Sìn Hồ					36.124	33.058	33.058	1.500	31.558	
*	Các dự án khởi công năm 2022					31.413	28.347	28.347	1.275	27.072	
1	Đường nội đồng bản Co Lẹ xã Nậm Mạ huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Mạ	0,95 km	2022	2285/05/10/2022	823	661	661	63	598	UBND xã Nậm Mạ
2	Nhà Văn Hóa bản Phiêng Trạng, xã Noong Hèo, huyện Sìn Hồ	Xã Noong Hèo	01 NVH	2022	2294/05/10/2022	689	569	569	7	562	UBND xã Noong Hèo
3	Nhà văn hóa bản Ta Pá, xã Noong Hèo, huyện Sìn Hồ	Xã Noong Hèo	01 NVH	2022	2295/05/10/2022	658	568	568	4	564	UBND xã Noong Hèo
4	Thủy lợi Na Nấy bản Pẩn Ngòi, xã Noong Hèo, huyện Sìn Hồ	Xã Noong Hèo	12 ha	2022	2290/05/10/2022	1.060	1.060	1.060	12	1.048	UBND xã Noong Hèo



TT	 Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
5	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Ná Pom bản Phiêng Diêm, xã Chăn Nưa, huyện Sìn Hồ	Xã Chăn Nưa	17 ha	2022	2266/05/10/2022	784	784	784	6	778	UBND xã Chăn Nưa
6	Đường giao thông nội bản bản Nậm Kinh, xã Căn Co, huyện Sìn Hồ	Xã Căn Co	1,39 km	2022	2279/05/10/2022	916	697	697	25	672	UBND xã Căn Co
7	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Nậm Ngá, xã Căn Co, huyện Sìn Hồ	Xã Căn Co	75 hộ	2022	2283/05/10/2022	1.023	1.013	1.013	36	977	UBND xã Căn Co
8	Đường giao thông nội bản Ná Ké 1, xã Hồng Thu, huyện Sìn Hồ	Xã Hồng Thu	0,7 km	2022	2303/05/10/2022	430	323	323	18	305	UBND xã Hồng Thu
9	Đường giao thông nội bản Ná Ké 3, xã Hồng Thu, huyện Sìn Hồ	Xã Hồng Thu	0,8 km	2022	2304/05/10/2022	750	565	565	41	524	UBND xã Hồng Thu
10	Nhà văn hóa bản Tả Thàng, xã Hồng Thu, huyện Sìn Hồ	Xã Hồng Thu	01 NVH	2022	2302/05/10/2022	612	592	592	9	583	UBND xã Hồng Thu
11	Nhà văn hóa bản Xà Chải 1, xã Hồng Thu, huyện Sìn Hồ	Xã Hồng Thu	01 NVH	2022	2301/05/10/2022	623	603	603	10	593	UBND xã Hồng Thu
12	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông từ tỉnh lộ 128 đến bản Tà Cù Nhè, xã Làng Mò	Xã Làng Mò	0,84 km	2022	2268/05/10/2022	1.064	915	915	46	869	UBND xã Làng Mò
13	Nhà văn hóa bản Nhiều Sáng, xã Làng Mò, huyện Sìn Hồ	Xã Làng Mò	01 NVH	2022	2270/05/10/2022	622	602	602	25	577	UBND xã Làng Mò
14	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Hồ Suối Tổng (nhóm 1) xã Làng Mò, huyện Sìn Hồ	Xã Làng Mò	65 hộ	2022	2269/05/10/2022	395	375	375	16	359	UBND xã Làng Mò
15	Nước sinh hoạt bản Nậm Bó, xã Lũng Thàng, huyện Sìn Hồ	Xã Lũng Thàng	65 hộ	2022	2287/05/10/2022	880	880	880	57	823	UBND xã Lũng Thàng
16	Đường giao thông bản Đin Đanh, xã Ma Quai, huyện Sìn Hồ	Xã Ma Quai	1,63 km	2022	2286/05/10/2022	987	694	694	37	657	UBND xã Ma Quai
17	Nhà văn hoá bản Ma Quai Thàng, xã Ma Quai, huyện Sìn Hồ	Xã Ma Quai	01 NVH	2022	2291/05/10/2022	629	559	559	10	549	UBND xã Ma Quai
18	Đường giao thông nội bản bản Pú Mạ, xã Nậm Cuối, huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Cuối	1,2 km	2022	2274/05/10/2022	975	791	791	56	735	UBND xã Nậm Cuối



TT	 Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
19	Sửa chữa kênh mương nội đồng bản Hang, xã Nậm Cuối, huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Cuối	4 ha	2022	2281/05/10/2022	563	533	533	21	512	UBND xã Nậm Cuối
20	Sửa chữa kênh mương nội đồng bản Ná Bản Cầu, xã Nậm Cuối, huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Cuối	3 ha	2022	2282/05/10/2022	406	386	386	2	384	UBND xã Nậm Cuối
21	Làm mới nhà văn hóa bản Nậm Pè, xã Nậm Cha, huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Cha	01 NVH	2022	2284/05/10/2022	799	784	784	29	755	UBND xã Nậm Cha
22	Đường giao thông nội bản bản Nậm Kha, xã Nậm Hăn, huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Hăn	1,1 km	2022	2275/05/10/2022	682	538	538	30	508	UBND xã Nậm Hăn
23	Đường giao thông nội bản bản Nậm Lốt, xã Nậm Hăn, huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Hăn	2,2 km	2022	2276/05/10/2022	1.350	1.096	1.096	63	1.033	UBND xã Nậm Hăn
24	Sửa chữa kênh mương nội đồng thủy lợi Nà Tăm 2, xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Tăm	10 ha	2022	2288/05/10/2022	854	804	804	28	776	UBND xã Nậm Tăm
25	Các nhánh đường nội đồng, nội bản Hua Ná xã Pa Khóa, huyện Sìn Hồ	Xã Pa Khóa	0,4 km	2022	2306/05/10/2022	295	220	220	6	214	UBND xã Pa Khóa
26	Đường nội đồng bản Pa Khóa (nhóm Phiêng Én) xã Pa Khóa, huyện Sìn Hồ	Xã Pa Khóa	0,3 km	2022	2307/05/10/2022	231	175	175	4	171	UBND xã Pa Khóa
27	Nơi tiếp đường nội đồng 03 bản Hồng Quân 1, Hồng Quảng 2, Hồng Ngải, xã Pa Khóa, huyện Sìn Hồ	Xã Pa Khóa	1,4 km	2022	2308/05/10/2022	1.300	975	975	20	955	UBND xã Pa Khóa
28	Đường nội đồng khu sản xuất Chải Tái Xoang, xã Phăng Sô Lin, huyện Sìn Hồ	Xã Phăng Sô Lin	1,1 km	2022	2300/05/10/2022	920	731	731	22	709	UBND xã Phăng Sô Lin
29	Khu vui chơi thể thao xã Phăng Sô Lin, huyện Sìn Hồ	Xã Phăng Sô Lin	Dân dụng Cấp IV	2022	2298/05/10/2022	354	354	354	27	327	UBND xã Phăng Sô Lin
30	Sửa chữa kênh mương nội đồng thủy lợi bản Nậm Lúc, xã Phăng Sô Lin, huyện Sìn Hồ	Xã Phăng Sô Lin	30 ha	2022	2299/05/10/2022	342	322	322	3	319	UBND xã Phăng Sô Lin
31	Thủy lợi bản Sáo Lèng 2 xã Phìn Hồ, huyện Sìn Hồ	Xã Phìn Hồ	40 ha	2022	2305/05/10/2022	2.400	2.400	2.400	41	2.359	UBND xã Phìn Hồ
32	Đường nội đồng bản Mao Sao Phìn, xã Sà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ	Xã Sà Dề Phìn	1,1 km	2022	2262/05/10/2022	505	431	431	34	397	UBND xã Sà Dề Phìn
33	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Sảng Phìn, xã Sà Dề Phìn, huyện Sìn Hồ	Xã Sà Dề Phìn	40 hộ	2022	2265/05/10/2022	527	527	527	10	517	UBND xã Sà Dề Phìn



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
34	Nhà văn hoá bản Háng Lĩa 1, xã Tả Ngảo, huyện Sìn Hồ	Xã Tả Ngảo	01 NVH	2022	2267/05/10/2022	674	639	639	27	612	UBND xã Tả Ngảo
35	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Seo Sáng, xã Tả Ngảo, huyện Sìn Hồ	Xã Tả Ngảo	41 hộ	2022	2263a/05/10/2022	508	488	488	20	468	UBND xã Tả Ngảo
36	Nước Sinh hoạt bản Háng Lĩa 2, xã Tả Ngảo, huyện Sìn Hồ	Xã Tả Ngảo	53 hộ	2022	2264/05/10/2022	954	954	954	6	948	UBND xã Tả Ngảo
37	Sửa chữa kênh mương nội đồng thủy lợi suối Đề Bâu, xã Tả Phìn, huyện Sìn Hồ	Xã Tả Phìn	40 ha	2022	2296/05/10/2022	1.520	1.500	1.500	124	1.376	UBND xã Tả Phìn
38	Sửa chữa kênh mương nội đồng thủy lợi bản Liều Chải, xã Tả Phìn, huyện Sìn Hồ	Xã Tả Phìn	30 ha	2022	2297/05/10/2022	215	195	195	195	0	UBND xã Tả Phìn
39	Nhà đa năng công đồng xã Tủa Sín Chải, huyện Sìn Hồ	Xã Tủa Sín Chải	210 m2	2022	2273/05/10/2022	850	850	850	34	816	UBND xã Tủa Sín Chải
40	Nhà văn hóa bản Ha Vu Chứ, xã Tủa Sín Chải, huyện Sìn Hồ	Xã Tủa Sín Chải	01 NVH	2022	2271/05/10/2022	625	600	600	26	574	UBND xã Tủa Sín Chải
41	Nhà văn hóa bản Tủa Sín Chải, xã Tủa Sín Chải, huyện Sìn Hồ	Xã Tủa Sín Chải	01 NVH	2022	2272/05/10/2022	619	594	594	25	569	UBND xã Tủa Sín Chải
*	Các dự án khởi công năm 2023					4.711	4.711	4.711	225	4.486	
42	Đường giao thông nội đồng bản Phiêng Diễm	Xã Chăn Nưa	1,0 km	2023	2718/15/12/2022	896	896	896	47	849	UBND xã Chăn Nưa
43	Đường giao thông nội đồng bản Nậm Ngập	Xã Nậm Tăm	0,763 km	2023	2719/15/12/2022	686	686	686	70	616	UBND xã Nậm Tăm
44	Đường giao thông nội đồng bản Nậm Pậu	Xã Nậm Tăm	1,2 km	2023	2720/15/12/2022	855	855	855	48	807	UBND xã Nậm Tăm
45	Đường nội đồng bản Lùng Thàng	Xã Lùng Thàng	1,3 km	2023	2721/15/12/2022	1.176	1.176	1.176	28	1.148	UBND xã Lùng Thàng
46	Nhà văn hóa bản Huổi Ca	Xã Nậm Mạ	01 NVH	2023	2722/15/12/2022	542	542	542	16	526	UBND xã Nậm Mạ
47	Nhà văn hóa bản Sông Đà	Xã Nậm Mạ	01 NVH	2023	2723/15/12/2022	556	556	556	16	540	UBND xã Nậm Mạ

Độc



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
VII	Huyện Nậm Nhùn					16.851	16.789	15.650	1.386	14.264	
*	Các dự án khởi công năm 2022					16.599	16.537	15.398	1.382	14.016	
1	Đường GT nội bản và rãnh thoát nước bản Pá Bon	Xã Nậm Pì	1,5 km	2022	119/19/10/2022	1.000	1.000	1.000	44	956	UBND xã Nậm Pì
2	Làm đường giao thông nội bản Pá Đôn, xã Nậm Pì	Xã Nậm Pì	2 km	2022	118/19/10/2022	736	736	736	52	684	UBND xã Nậm Pì
3	Cứng hóa bê tông mặt đường nội bản Huổi Mẩn B, xã Nậm Chà	Xã Nậm Chà	1 km và rãnh thoát nước	2022-2023	176/17/10/2022	1.736	1.684	1.684	92	1.592	UBND xã Nậm Chà
4	Đường sản xuất khu vực núi bỏ đôi, bản Huổi Héo	Xã Nậm Mạnh	5 km	2022	244/14/10/2022	1.030	1.030	1.030	53	977	UBND xã Nậm Mạnh
5	Đường nội đồng khe đá đỏ bản Nậm Mạnh	Xã Nậm Mạnh	3,5 km	2022	245/14/10/2022	706	706	706	42	664	UBND xã Nậm Mạnh
6	Nâng cấp, sửa chữa đường nội bản, hạ tầng kỹ thuật các bản trên địa bàn xã Lê Lợi	Xã Lê Lợi	11,4 km và cống chào 02 bản: Lao Chen, Co Mùn	2022-2023	235.20.10.2022	3.030	3.020	3.020	284	2.736	UBND xã Lê Lợi
7	Cứng hóa mặt đường từ tỉnh lộ 4H (Pa Tần - Mường Tè) đi ngã 3 Ao Trâu thuộc bản Nậm Nó 1,2 (giai đoạn 3) xã Trung Chải	Xã Trung Chải	0,376 km	2.020	42/15/5/2020	1.300	1.300	161	5	156	UBND xã Trung Chải
8	Nâng cấp, mở rộng Đường giao thông nội bản Pa Mu	Xã Hua Bum	3 km	2022-2023	178/24/10/2022	1.736	1.736	1.736	237	1.499	UBND xã Hua Bum
9	Khu xử lý rác thải trung tâm xã Mường Mô	Xã Mường Mô	2.200 m2	2022-2023	2016/10/8/2022	1.500	1.500	1.500	240	1.260	UBND xã Mường Mô
10	Xây dựng nhà đa năng xã Pú Dao	Xã Pú Dao	01 NVH	2022-2023	1957/04/8/2022	1.500	1.500	1.500	109	1.391	UBND xã Pú Dao
11	Điểm vui chơi giải trí và thể thao xã Trung Chải	Xã Trung Chải	7.700 m2	2022-2023	2013/10/8/2022	1.575	1.575	1.575	194	1.381	UBND xã Trung Chải
12	Nhà Văn hóa bản Huổi Đanh	Xã Nậm Hàng	01 NVH	2022-2023	217/20/10/2022	750	750	750	30	720	UBND xã Nậm Hàng



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
*	Các dự án khởi công năm 2024					252	252	252	4	248	
13	Sửa chữa rãnh thoát nước khu dân cư xã Lê Lợi	Xã Lê Lợi	1,5 km		109/28/10/2024	252	252	252	4	248	UBND xã Lê Lợi
VIII	Huyện Mường Tè					2.500	2.480	2.480	1.655	825	
*	Các dự án khởi công năm 2023					2.500	2.480	2.480	1.655	825	
1	Sửa chữa trụ sở làm việc, nhà văn hóa trung tâm xã Bum Nura	Xã Bum Nura	Sửa chữa trụ sở, NVH	2023-2025	2623/28/11/2022	2.500	2.480	2.480	1.655	825	Ban QLCT dự án phát triển KT-XH huyện Mường Tè
B	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG					433.786	432.486	429.458	19.142	410.316	
I	Dự án 1					433.786	432.486	429.458	19.142	410.316	
TD1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo					433.786	432.486	429.458	19.142	410.316	
I.1	Huyện Phong Thổ					97.020	97.020	97.020	4.223	92.797	
*	Các dự án khởi công năm 2022					89.020	89.020	89.020	3.117	85.903	
1	Đường GTNT liên bản Thên Sin - bản Ma Li Pho	Xã Ma Li Pho	5,655 km	2022-2024	1756/04/8/2022	8.100	8.100	8.100	196	7.904	Ban QLDA huyện Phong Thổ
2	Bổ sung cơ sở vật chất Trường THCS Khổng Lào	Xã Khổng Lào	Nhà 2 tầng 4 phòng và hạng mục phụ trợ; nhà 02 tầng, 08 phòng	2022-2024	1701/29/7/2022	6.400	6.400	6.400	276	6.124	Ban QLDA huyện Phong Thổ
3	Bổ sung cơ sở vật chất Trường TH Khổng Lào (giai đoạn 2)	Xã Khổng Lào	Nhà 3 tầng 06 phòng và hạng mục phụ trợ; nhà 02 tầng 06 phòng	2022-2024	1702/29/7/2022	7.650	7.650	7.650	348	7.302	Ban QLDA huyện Phong Thổ



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
4	Bổ sung cơ sở vật chất Trường mầm non Huổi Luông	Xã Huổi Luông	Nhà 03 tầng 11 phòng và hạng mục phụ trợ	2022-2024	1713/02/8/2022	4.960	4.960	4.960	279	4.681	Ban QLDA huyện Phong Thổ
5	Bổ sung cơ sở vật chất Trường THCS Mường So	Xã Mường So	Nhà 3 tầng 12 phòng và hạng mục phụ trợ	2022-2024	1700/29/7/2022	8.000	8.000	8.000	168	7.832	Ban QLDA huyện Phong Thổ
6	Nâng cấp đường GTNT bản Hồ thầu 1 - bản Huổi Luông 2	Xã Huổi Luông	5,7 km	2022-2024	1717/02/8/2022	13.100	13.100	13.100	299	12.801	Ban QLDA huyện Phong Thổ
7	Đường ra khu sản xuất hàng hóa tập trung thôn Nậm Páy	Thị trấn Phong Thổ	4,78 km	2022-2024	1718/02/8/2022	12.000	12.000	12.000	296	11.704	Ban QLDA huyện Phong Thổ
8	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt bản Tả Phìn	Xã Ma Li Pho	137 hộ	2022-2024	1720/02/8/2022	2.150	2.150	2.150	4	2.146	Ban QLDA huyện Phong Thổ
9	Xây dựng bến thuyền thị trấn Phong Thổ	Thị trấn Phong Thổ	2.422,74 m2	2022-2024	1722/02/8/2022	3.000	3.000	3.000	257	2.743	Ban QLDA huyện Phong Thổ
10	Đường GTNT liên bản Sơn Bình - bản Ma Li Pho	Xã Ma Li Pho	4,561 km	2022-2024	1757/04/8/2022	8.900	8.900	8.900	92	8.808	Ban QLDA huyện Phong Thổ
11	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt bản Huổi Phặc	Xã Khổng Lào	83 hộ	2022-2024	1697/29/7/2022	1.250	1.250	1.250	118	1.132	Ban QLDA huyện Phong Thổ
12	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt bản Đór	Xã Khổng Lào	86 hộ	2022-2024	1695/29/7/2022	1.200	1.200	1.200	122	1.078	Ban QLDA huyện Phong Thổ
13	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt bản Co Muông	Xã Khổng Lào	125 hộ	2022-2024	1694/29/7/2022	1.640	1.640	1.640	23	1.617	Ban QLDA huyện Phong Thổ
14	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt bản Hùng Pèng	Xã Ma Li Pho	40 hộ	2022-2024	1734/03/8/2022	870	870	870	3	867	Ban QLDA huyện Phong Thổ
15	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Huổi Luông	Xã Huổi Luông	162 hộ	2022-2024	1719/02/8/2022	4.450	4.450	4.450	22	4.428	Ban QLDA huyện Phong Thổ
16	Cấp nước sinh hoạt bản Hoàng Trù Sào	Xã Huổi Luông	50 hộ	2022-2024	1721/02/8/2022	2.350	2.350	2.350	31	2.319	Ban QLDA huyện Phong Thổ

TT	 Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương					
17	Xây dựng nhà văn hóa bản Vàng Pheo xã Mường So	Xã Mường So	Nhà 02 tầng, 220m2 và các hạng mục phụ trợ	2022-2024	1733/03/8/2022	3.000	3.000	3.000	583	2.417	Ban QLDA huyện Phong Thổ	
*	Các dự án khởi công năm 2023						8.000	8.000	8.000	1.106	6.894	
18	Sửa chữa, nâng cấp cụm thủy lợi xã Khổng Lào	Xã Khổng Lào	sửa chữa	2023-2025	175/28/2/2023	2.000	2.000	2.000	180	1.820	Ban QLDA huyện Phong Thổ	
19	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTBT THCS Ma Li Pho	Xã Ma Li Pho	Nhà hiệu bộ 02 tầng và hạng mục phụ trợ	2023-2025	2157/03/8/2023	6.000	6.000	6.000	926	5.074	Ban QLDA huyện Phong Thổ	
I.2	Huyện Sìn Hồ					115.125	115.125	115.125	5.298	109.827		
*	Các dự án khởi công năm 2022						111.125	111.125	111.125	5.102	106.023	
1	Nâng cấp nước sinh hoạt Bản Hồ Sì Pán, xã Pu Sam Cáp, huyện Sìn Hồ	Xã Pu Sam Cáp	70 hộ	2022-2024	1810/05/8/2022	1.700	1.700	1.700	243	1.457	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	
2	Nước sinh hoạt ở bản Suối Su Tổng, xã Tà Phìn, huyện Sìn Hồ	Xã Tà Phìn	48 hộ	2022-2024	1805/05/08/2022	2.100	2.100	2.100	207	1.893	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	
3	Nước sinh hoạt bản Nậm Khăm, xã Tà Ngáo, huyện Sìn Hồ	Xã Tà Ngáo	150 hộ	2022-2024	1787/05/08/2022	4.639	4.639	4.639	206	4.433	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	
4	Sửa chữa đường nước sinh hoạt của bản Pa Phang 1 xã Phìn Hồ huyện Sìn Hồ	Xã Phìn Hồ	45 hộ	2022-2024	1782/05/08/2022	650	650	650	71	579	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	
5	Sửa chữa nước sinh hoạt trung tâm UBND xã Làng Mô, huyện Sìn Hồ	Xã Làng Mô	80 hộ	2022-2024	1815/05/08/2022	2.062	2.062	2.062	113	1.949	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	
6	Xây dựng đường nước sinh hoạt bản Xà Chải 1 xã Hồng Thu, huyện Sìn Hồ	Xã Hồng Thu	40 hộ	2022-2024	1783/05/08/2022	2.062	2.062	2.062	204	1.858	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ	



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
7	Nâng cấp, Sửa chữa nước sinh hoạt bản Lùng Sủ Phìn, xã Tả Ngảo, huyện Sìn Hồ	Xã Tả Ngảo	50 hộ	2022-2024	1786/05/08/2022	700	700	700	47	653	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ
8	Nước sinh hoạt bản Pú Mạ xã Nậm Cuối, huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Cuối	87 hộ	2022-2024	1807/05/08/2022	3.608	3.608	3.608	132	3.476	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ
9	Nâng cấp thủy lợi Pào Pao - bản Nậm Mạ Đạo, xã Ma Quai, huyện Sìn Hồ	Xã Ma Quai	15 ha	2022-2024	1794/05/08/2022	1.450	1.450	1.450	225	1.225	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ
10	Sửa chữa thủy lợi Nậm Hoi, xã Nậm Cuối, huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Cuối	15 ha	2022-2024	1818/05/08/2022	2.062	2.062	2.062	30	2.032	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ
11	Thủy lợi Đẩu Hay Khâu Tai - Bản Phìn Hồ, xã Ma Quai, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu	Xã Ma Quai	13 ha	2022-2024	1791/05/08/2022	5.800	5.800	5.800	9	5.791	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ
12	Thủy lợi Đề Chờ Chùa bản Sáng Tùng (mới) xã Tả Ngảo huyện Sìn Hồ	Xã Tả Ngảo	15 ha	2022-2024	1804/05/08/2022	5.100	5.100	5.100	165	4.935	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ
13	Thủy lợi Na Hay Măn Co - Bản Nậm Mạ Thái - Nậm Mạ Thái, xã Ma Quai, huyện Sìn Hồ	Xã Ma Quai	20 ha	2022-2024	1806/05/08/2022	3.250	3.250	3.250	299	2.951	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ
14	Thủy lợi Tầm Linh - Bản Nậm Mạ Đạo xã Ma Quai, huyện Sìn Hồ	Xã Ma Quai	12 ha	2022-2024	1808/05/08/2022	1.700	1.700	1.700	307	1.393	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ
15	Đường TT Xã đến bản Hồng Ngải (đi qua đường nối QL 32) xã Pa Khóa huyện Sìn Hồ	Xã Pa Khóa	0,451 km	2022-2024	1797/05/08/2022	3.800	3.800	3.800	425	3.375	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ
16	Đường vào bản Ngải San xã Làng Mô, huyện Sìn Hồ	Xã Làng Mô	3,0 km	2022-2024	1785/05/08/2022	8.500	8.500	8.500	202	8.298	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ
17	Đường xuống bến Huổi Lá xã Nậm Hăn, huyện Sìn Hồ	Xã Nậm Hăn	1,0 km	2022-2024	1812/05/08/2022	3.608	3.608	3.608	500	3.108	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ



</



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
28	Xây tường bao, phòng học bộ môn điểm trường trung tâm xã Tủa Sín Chải, huyện Sìn Hồ	Xã Tủa Sín Chải	265,1m2; 06 phòng học bộ môn và hạng mục phụ	2022-2024	1790/05/08/2022	4.124	4.124	4.124	13	4.111	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ
*	Các dự án khởi công năm 2023					4.000	4.000	4.000	196	3.804	
29	Thủy lợi Nà Nura - Bản Nậm Mạ Thái	Xã Ma Quai	20 ha	2023-2025	2675/14/12/2022	4.000	4.000	4.000	196	3.804	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ
I.3	Huyện Nậm Nhùn					135.185	134.885	131.857	7.429	124.428	
*	Các dự án khởi công năm 2022					126.185	125.885	122.857	6.522	116.335	
1	Đường giao thông bản Lồng Ngài đi Nậm Lay xã Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng	7,407 km	2020	13/24/02/2020	4.990	4.974	1.946	20	1.926	UBND xã Nậm Hàng
2	Nâng cấp, sửa chữa đường GT, rãnh thoát nước bản Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng	1,465 km	2022-2023	1999/10/8/2022	3.000	3.000	3.000	285	2.715	Ban QLDA các công trình XDCB huyện Nậm Nhùn
3	Nâng cấp, mở rộng bến dò trung tâm xã Mường Mô	Xã Mường Mô	0,956 km	2022-2023	1983/10/8/2022	5.000	5.000	5.000	29	4.971	Ban QLDA các công trình XDCB huyện Nậm Nhùn
4	Nâng cấp Thủy lợi Nậm Đắc, Nậm Đoong xã Pú Dao	Xã Pú Dao	26 ha	2022-2023	2002/10/8/2022	2.000	2.000	2.000	21	1.979	Ban QLDA các công trình XDCB huyện Nậm Nhùn
5	Bổ sung cơ sở vật chất trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Lê Lợi	Xã Lê Lợi	8 Phòng và hạng mục phụ trợ	2022-2023	2003/10/8/2022	6.600	6.600	6.600	72	6.528	Ban QLDA các công trình XDCB huyện Nậm Nhùn
6	Nhà văn hóa xã Mường Mô	Xã Mường Mô	01 NVH	2022-2023	1968/5/8/2022	4.000	4.000	4.000	18	3.982	Ban QLDA các công trình XDCB huyện Nậm Nhùn



[Handwritten signature]



TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				

17	Nâng cấp, cứng hóa tuyến đường từ trung tâm xã Pú Dao đến bản Nậm Đắc - Nậm Doong - Khu du lịch Pú Dao	Xã Pú Dao	11,148 km	2022-2024	1970/10/8/2022	17.000	17.000	17.000	308	16.692	Ban QLDA các công trình XDCB huyện Nậm Nhùn
18	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia đến các bản thuộc xã Nậm Hàng (Nậm Cây, Lồng Ngài, Nậm Lay)	Xã Nậm Hàng	85 hộ	2022-2024	2007/10/8/2022	11.000	11.000	11.000	508	10.492	Ban QLDA các công trình XDCB huyện Nậm Nhùn
19	Nâng cấp đường giao thông từ bản Pá Đôn xã Nậm Pi đến bản Lồng Ngài xã Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng	8,1 km và cầu bailey 24 m	2022-2024	1981/10/8/2022	25.000	25.000	25.000	1.587	23.413	Ban QLDA các công trình XDCB huyện Nậm Nhùn
*	Các dự án khởi công năm 2023					9.000	9.000	9.000	907	8.093	
20	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia đến các bản thuộc xã Nậm Pi (Nậm Vời, Pá Sập, Pá Đôn)	Xã Nậm Pi	105 hộ	2023-2024	2444/06/12/2022	9.000	9.000	9.000	907	8.093	Ban QLDA các công trình XDCB huyện Nậm Nhùn
1.4	Huyện Mường Tè					86.456	85.456	85.456	2.192	83.264	
*	Các dự án khởi công năm 2022					86.456	85.456	85.456	2.192	83.264	
1	Nâng cấp đường giao thông Ló Mé, Lè Giăng, Là Pê 1,2; trung tâm xã Tá Pạ	Xã Tá Bạ	18 km	2022-2025	1717/12/8/2022; 597/29/11/2022; 3744/26/11/2024	20.000	20.000	20.000	210	19.790	Ban QLCT dự án phát triển KT-XH huyện Mường Tè
2	Cấp điện nông thôn đến các bản Các xã Tà Tổng (A Mé); Pa Vệ Sừ (Chà Gá, Sín Chải C); Mù Cá (Mò Su); Tá Pạ (Là Si; Vạ Pù)	Huyện Mường Tè	343 hộ	2022-2025	1684/05/8/2022; 155/09/11/2022; 2616/12/8/2024	35.000	35.000	35.000	255	34.745	Ban QLCT dự án phát triển KT-XH huyện Mường Tè
3	Kiên cố thủy lợi Na Cai Bàng bản Giăng, xã Mường Tè	Xã Mường Tè	29,7 ha	2022-2024	1666/05/8/2022	4.556	4.556	4.556	344	4.212	Ban QLCT dự án phát triển KT-XH huyện Mường Tè
4	Thủy lợi Lọng Co Cu + Huổi Y Lin xã Mường Tè	Xã Mường Tè	34 ha	2022-2024	1678/05/8/2022	4.000	4.000	4.000	54	3.946	Ban QLCT dự án phát triển KT-XH huyện Mường Tè



TT	 Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh giảm ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
5	Thủy lợi Cư Phu Á Te bản Thu Lũm 1 xã Thu lũm	Xã Thu Lũm	18 ha	2022-2024	1671/05/8/2022	5.400	5.400	5.400	403	4.997	Ban QLCT dự án phát triển KT-XH huyện Mường Tè
6	Kiên cố thủy lợi Nà Cấu, xã Mường Tè	Xã Mường Tè	45 ha	2022-2024	1673/05/8/2022	5.000	5.000	5.000	70	4.930	Ban QLCT dự án phát triển KT-XH huyện Mường Tè
7	Thủy lợi Xé Giá bản Pa Thắng	Xã Thu Lũm	15 ha	2022-2024	1670/05/8/2022	4.000	4.000	4.000	154	3.846	Ban QLCT dự án phát triển KT-XH huyện Mường Tè
8	Nâng cấp thủy lợi Na Mứn bản Nậm Cùm xã Mường Tè	Xã Mường Tè	15 ha	2022-2024	1672/05/8/2022	1.500	1.500	1.500	566	934	Ban QLCT dự án phát triển KT-XH huyện Mường Tè
9	Nâng cấp hệ thống phòng học + phụ trợ các Trường mầm non trên địa bàn các xã Mường Tè, Bum Nưa, Thu Lũm, huyện Mường Tè	Huyện Mường Tè	09 điểm trường	2022-2024	2045/28/9/2022	7.000	6.000	6.000	136	5.864	Ban QLCT dự án phát triển KT-XH huyện Mường Tè



Phụ lục 3

CÁC DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH TĂNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

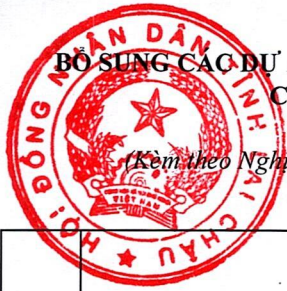
(Kèm theo Nghị quyết số 22 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh tăng ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ					27.367	22.602	22.602	2.645	25.247	
A	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI					2.526	1.260	1.260	453	1.713	
I	Huyện Tân Uyên					2.526	1.260	1.260	453	1.713	
*	Các dự án khởi công năm 2025					2.526	1.260	1.260	453	1.713	
1	Đường sản xuất vùng chè bản Nậm Bon, xã Phúc Khoa	Xã Phúc Khoa	0,6 km	2025	170/15/11/2024	500	252	252	150	402	UBND xã Phúc Khoa
2	Sửa chữa thủy lợi bản Khâu Giềng, xã Hố Mít	Xã Hố Mít	40 ha	2025	444/12/11/2024	526	252	252	6	258	UBND xã Hố Mít
3	Đường giao thông nội đồng bản Hua Puông, xã Nậm Cắn	Xã Nậm Cắn	0,7 km	2025	279/14/11/2024	500	252	252	122	374	UBND xã Nậm Cắn
4	Đường giao thông nội bản Tà Mít, xã Tà Mít	Xã Tà Mít	0,9 km	2025	57/14/11/2024	500	252	252	41	293	UBND xã Tà Mít



TT	 Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương đã giao giai đoạn 2021-2025	Phương án điều chỉnh tăng ngân sách trung ương	Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
					Số quyết định ngày, tháng, năm	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách trung ương				
5	Đường giao thông nội đồng bản Pắc Ta, xã Pắc Ta	Xã Pắc Ta	1,119 km	2025	323/11/11/2024	500	252	252	134	386	UBND xã Pắc Ta
B	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG					24.841	21.342	21.342	2.192	23.534	
I	Dự án 1					24.841	21.342	21.342	2.192	23.534	
TD1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo					24.841	21.342	21.342	2.192	23.534	
I.4	Huyện Mường Tè					24.841	21.342	21.342	2.192	23.534	
*	Các dự án khởi công năm 2022					24.841	21.342	21.342	2.192	23.534	
1	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia bản (A Chè, Suối Voi, Nậm Phìn, Cờ Lò) thuộc các xã, huyện Mường Tè	Huyện Mường Tè	290 hộ	2022-2025	1683/05/8/2022; 387/07/10/2022; 2617/12/08/2024	24.841	21.342	21.342	2.192	23.534	Ban QLCT dự án phát triển KT-XH huyện Mường Tè



Phụ lục 4

BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025(Kèm theo Nghị quyết số 44 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Dự kiến quy mô	Thời gian KC-HT	Dự kiến tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025	Dự kiến chủ đầu tư
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn dự kiến)	Trong đó: Ngân sách trung ương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ				25.025	24.668	24.668	
A	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				8.075	7.718	7.718	
I	Thành phố Lai Châu				418	418	418	
1	Rãnh thoát nước thải bản Cẩng Đẳng, xã San Thàng	Xã San Thàng	286m	2025	418	418	418	UBND xã San Thàng
II	Huyện Than Uyên				420	408	408	
1	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Vi, Nà Hầy, Nà Then xã Mường Kim	Xã Mường Kim	300 hộ	2025	420	408	408	UBND xã Mường Kim
III	Huyện Tam Đường				572	572	572	
1	Đường ngõ bản Tả Chải	Xã Hồ Thầu	0,52 km	2025	572	572	572	UBND xã Hồ Thầu
IV	Huyện Phong Thổ				1.779	1.779	1.779	
1	Đường ra khu sản xuất bản Huổi Luông, xã Hoang Thèn	Xã Hoang Thèn	1 km	2025	1.779	1.779	1.779	Ban QLDA huyện Phong Thổ
V	Huyện Sìn Hồ				1.500	1.500	1.500	
1	Nâng cấp đường liên bản trung tâm xã đến bản Hắt Hơ xã Sà Dề Phìn	Xã Sà Dề Phìn	2 km	2025	1.500	1.500	1.500	UBND xã Sà Dề Phìn
VI	Huyện Nậm Nhùn				1.386	1.386	1.386	
1	Đường nội bản nhóm Bản Pho, bản Huổi Pết, xã Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng	0,5km	2025	1.386	1.386	1.386	UBND xã Nậm Hàng
VII	Huyện Mường Tè				2.000	1.655	1.655	
1	Nâng cấp đường giao thông trục bản, nội bản Nà Hề, xã Bum Nưa	Xã Bum Nưa	1,5 km	2025	2.000	1.655	1.655	UBND xã Bum Nưa
B	CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG				16.950	16.950	16.950	
I	Dự án 1				16.950	16.950	16.950	
TD1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo				16.950	16.950	16.950	
I.1	Huyện Phong Thổ				4.223	4.223	4.223	
1	Cấp nước sạch bản Trung tâm và bản Nậm Cây xã Hoang Thèn, huyện Phong Thổ	Xã Hoang Thèn	215 hộ và các cơ quan	2025	4.223	4.223	4.223	Ban QLDA huyện Phong Thổ
I.2	Huyện Sìn Hồ				5.298	5.298	5.298	
1	Nâng cấp đường giao thông Ha Vu Chừ - Chính Chu Phìn, xã Tủa Sín Chải	Xã Tủa Sín Chải	3,7 km	2025	5.298	5.298	5.298	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Sìn Hồ
I.3	Huyện Nậm Nhùn				7.429	7.429	7.429	
1	Cấp điện cho bản Huổi Mẩn B, xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn	Xã Nậm Chà	45 hộ	2025	5.000	5.000	5.000	Ban QLDA các công trình XD CB huyện Nậm Nhùn
2	Hệ thống thu gom nước mưa, nước thải sinh hoạt bản Mường Mỏ và Mường Mỏ 1	Xã Mường Mỏ	3 km	2025	2.429	2.429	2.429	Ban QLDA các công trình XD CB huyện Nậm Nhùn